

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/DS-ST

Ngày: 30/10/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật – Phó Chủ tịch HĐND phường P, thành phố L.

2. Bà Lê Thị Thanh Vân – Cán bộ tư pháp phường X, thành phố L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 32/20200/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1954; có mặt.

Địa chỉ: Số 80/2, đường Thoại Ngọc Hầu, khóm 4, phường L, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Như Y, sinh năm 1969; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 188/1, khóm T 5, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Do quen biết nên bà có cho bà Phan Thị Như Y vay tiền để tiêu dùng cá nhân, cụ thể như sau:

Lần vay 1: Ngày 19/6/2019âl tức ngày 21/7/2019, bà cho bà Y vay số tiền là 25.000.000 đồng, thỏa thuận là bà Y sẽ trả góp mỗi ngày là 1.000.000 đồng, trả trong vòng 27 ngày sẽ là 27.000.000 đồng thì dứt điểm vốn và lãi;

Lần vay 2: Ngày 22/6/2019âl tức ngày 24/7/2019, bà cho bà Y vay tiếp số tiền là 30.000.000 đồng, thỏa thuận là bà Y sẽ trả góp mỗi ngày là 1.000.000 đồng, trả trong vòng 32 ngày sẽ là 32.000.000 đồng thì dứt điểm vốn và lãi;

Do sơ suất nên Lần vay 1 bà đã không yêu cầu bà Y làm giấy tờ. Tuy nhiên, khi đến Lần vay 2 thì bà có yêu cầu và được bà Y ký tên Giấy mượn tiền ngày 22/6/2019âl với nội dung *“Tôi tên Phan Thị Như Y, hiện ngụ 188/1, khóm T 5, phường P có mượn của chị H số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng chẵn). Hứa sẽ trả chị ngày 1.000.000 (một triệu đồng), trả ra ba mươi hai ngày”*.

Sau khi nhận đủ số tiền 30.000.000 đồng đối với Lần vay 2 ngày 22/6/2019âl, thì bà Y không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho cả 2 lần vay. Do đó, bà có Đơn khởi kiện ngày 12/8/2019 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Y phải có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền vay của 2 lần vay còn nợ vốn gốc là 55.000.000 đồng cùng lãi phát sinh theo Luật định kể từ ngày 24/7/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, do bà Y vắng mặt và bà không có bất kỳ chứng cứ chứng minh đối với khoản tiền 25.000.000 đồng cho Lần vay 1 vào ngày 19/6/2019âl nên bà có rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối số tiền 25.000.000 đồng cùng lãi phát sinh của 02 khoản vay vốn gốc; chỉ yêu cầu bà Y trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* theo Giấy mượn tiền ngày 22/6/2019âl, không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Bị đơn bà Phan Thị Như Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời bà Y đã được triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và được triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Y vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Bị đơn là bà Phan Thị Như Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, cho thấy chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ

luật Tố tụng dân sự, như vậy bà Y đã tự nguyện từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Ngoài ra, do tại phiên tòa bà H có rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 25.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo quy định nên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bị đơn bà Y phải trả cho bà H số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Như Y phải có trách nhiệm trả dứt số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS);

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Y với tư cách là bị đơn trong vụ án có địa chỉ nơi cư trú tại phường P, thành phố L, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang;

[1.3] Tại phiên tòa, bà H có rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ 25.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh của 02 khoản vay vốn gốc nên Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS;

[1.4] Bà Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Y theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS;

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Lệ H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện còn lại buộc bà Phan Thị Như Y phải có trách nhiệm trả dứt số tiền vay còn nợ vốn gốc là 30.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi phát sinh. Chứng minh cho yêu cầu của mình, bà H cung cấp bản chính Giấy mượn tiền ngày 22/6/2019 có chữ ký và ghi họ tên của bà Y có nội dung thừa nhận có mượn của bà H số tiền là 30.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và gửi các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn là bà Y vẫn không gửi văn bản nêu Y kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên tòa để đối chiếu cũng như đối chất về các khoản nợ với nguyên đơn; không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại

khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, lời trình bày và Giấy mượn tiền ngày 22/6/2019 mà nguyên đơn cung cấp là cơ sở để Tòa án xác định việc bà H cho bà Y mượn số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 22/6/2019 đến nay đã quá hạn nhưng chưa được bà Y thanh toán là có thật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn đối với số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phan Thị Như Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ trên phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận của nguyên đơn là $30.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.500.000 \text{ đồng}$ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Lệ H thuộc trường hợp người cao tuổi có Đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí Tòa án nên bà H được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ H về việc buộc bị đơn là bà Phan Thị Như Y phải có nghĩa vụ trả số tiền vay vốn gốc 25.000.000 đồng cùng lãi phát sinh của 02 khoản vay vốn gốc.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Nguyễn Thị Lệ H. Buộc bà Phan Thị Như Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền vay vốn gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Như Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị Lệ H được miễn án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- CC THADS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thu